

Lý thuyết Toán lớp 1: Cộng, trừ (không nhớ) trong phạm vi 100

KIẾN THỨC CẦN NHỚ

- Biết đặt tính, làm tính cộng, trừ (không nhớ) các số có hai chữ số.
- Cộng, trừ nhẩm các số trong phạm vi 100;
- Mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ.
- Vận dụng giải được bài toán có lời văn.

CÁC DẠNG TOÁN

Dạng 1: Thực hiện phép tính.

Thực hiện phép tính cộng, trừ số có hai chữ số (không nhớ):

- Đặt tính sao cho các số cùng một hàng thẳng cột với nhau.
- Thực hiện phép tính từ phải sang trái, từ hàng đơn vị đến hàng chục.

Ví dụ: Đặt tính và tính $45 - 13$

Giải

$$\begin{array}{r} 45 \\ - 13 \\ \hline 32 \end{array}$$

- 5 trừ 3 bằng 2, viết 2
 - 4 trừ 1 bằng 3, viết 3
- Vậy $45 - 13 = 32$

Dạng 2: Bài toán có lời văn

- Đọc và phân tích đề bài: Xác định các số đã cho, số lượng tăng hoặc giảm và yêu cầu của bài toán.

- Tìm lời giải cho bài toán:

Em dựa vào các từ khóa “thêm”, “bớt”, “tất cả”, “còn lại”... để xác định phép tính cần dùng cho bài toán.

Thông thường, bài toán yêu cầu tìm giá trị “cả hai” thì dùng phép tính cộng; tìm giá trị “còn lại” thì dùng phép tính trừ để tìm lời giải.

- Trình bày lời giải cho bài toán: Viết rõ ràng lời giải, phép tính, đáp số.

- Kiểm tra lại lời giải và kết quả em vừa tìm được.

Ví dụ: Một cửa hàng có 33 hộp quà. Sau đó họ nhập thêm về 6 hộp quà nữa. Hỏi cửa hàng có tất cả bao nhiêu hộp quà?

Phân tích: Muốn tìm tất cả số hộp thì cần lấy số hộp ban đầu cộng số hộp đã nhập thêm.

Giải:

Cửa hàng có tất cả số hộp quà là:

$$33 + 6 = 39 \text{ (hộp quà)}$$

Đáp số: 39 hộp quà.

Dạng 3: So sánh

Muốn so sánh hai hoặc nhiều giá trị của phép trừ các số có hai chữ số thì cần:

- Thực hiện phép tính

- So sánh các kết quả vừa tìm được.

Ví dụ: Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm: $76 - 33 \dots\dots 76 - 34$

Giải:

Dấu cần điền vào chỗ chấm là dấu $>$.